

Bản án số:126/2018/HSPT.
Ngày: 18/7/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung;
Ông Lê Thanh Hùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 86/2018/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của TAND thành phố Thanh Hóa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Ngọc S, sinh ngày 23/3/1999; Đăng ký NKTT và chỗ ở: Xóm 8, xã Nga V, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc X và bà Mai Thị T; chưa có vợ; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ ngày 13/01/2018 đến ngày 19/01/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Văn Q, sinh ngày 05/9/1999; quê quán: Xã Phước H, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Định; Đăng ký NKTT: SN 112 Tô Vĩnh D, phường Điện B, thành phố Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: phố Lễ M, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị N chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 13/01/2018 đến ngày 19/01/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngô Quốc C, Nguyễn Thị H (vắng mặt).

Người bị hại không kháng cáo: Chị Lê Thị O, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Đồng L, xã H, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Ngô Quốc C, Trịnh Ngọc S, Võ Văn Q và Nguyễn Thị H cùng thuê phòng trọ ở 269 L, phường Đông S, thành phố Thanh Hóa (C và H ở C 1 phòng, còn S và Q ở C 1 phòng). Đêm ngày 08/12/2017, C, S và Q đến quán Internet chơi, do cần tiền ăn tiêu nên cả ba rủ nhau lấy trộm xe máy ở khu trọ bán lấy tiền. Sau khi bàn bạc thống nhất xong, đến 06h ngày 09/12/2017 cả ba đi về khu trọ của mình thì phát hiện thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Vison BKS 36B5 - 878.86 của chị Lê Thị O, sinh năm 1996 ở xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (thuê phòng trọ cạnh phòng của C) đang dựng ở sân, tất cả đi vào phòng trọ của C (lúc này H đang ngủ trong phòng) tiếp tục bàn về việc trộm cắp chiếc xe máy của chị O. C nói với S và Q quay về phòng trọ của mình để chờ đợi C tìm cách lấy chìa khóa xe máy của chị O rồi sang gọi, S và Q đồng ý đi về phòng trọ của mình đợi C. Lúc này C mới gọi H dậy và nói với H về việc cùng với S và Q rủ nhau trộm cắp xe máy của chị O bán lấy tiền ăn tiêu, ban đầu H không đồng ý, nhưng khi nghe C nói “ không làm thế thì lấy tiền đâu mà tiêu”, mặt khác cũng muốn đi theo C nên H đồng ý rồi thu xếp đồ đạc ra bên xe buýt trước đợi C lấy được xe rồi ra sau. Khi H vừa ra khỏi phòng trọ thì nhìn thấy chị O cũng vừa ra khỏi phòng đi xuống dưới nên quay lại nói với C, thấy vậy C bảo H đứng ngoài cánh giới để C vào phòng chị O tìm chìa khóa xe máy. H đồng ý và đứng ngoài cánh giới, còn C vào phòng chị O thì nhìn thấy 1 chiếc ví để trong túi xách bên trong có 700.000đ, 01 đăng ký xe máy và 01 CMND tên chị O, C lấy ví cất dấu trong người rồi tiếp tục lục tìm chìa khóa xe máy nhưng không thấy, lúc này H đứng ngoài chờ lâu nên lại gần cửa phòng chị O nói với C tìm ở cửa xem sao, C nhìn lên cánh cửa phòng thấy 1 chùm chìa khóa thì cầm lấy đi ra ngoài bảo H đi ra bên xe buýt trước, còn C đi vào phòng trọ của S và Q nói đã lấy được chìa khóa và bảo S và Q đi ra đường đợi. Lúc sau, C xuống sân, quan sát thấy không có ai, lại gần dùng chìa khóa mở khóa xe máy của chị O rồi đi ra ngoài đón S, Q và H cùng tìm nơi tiêu thụ nhưng không được. Sau đó tất cả vào quán ăn, lúc này C nói với cả bọn về việc đã lấy được chiếc ví của chị O trong đó có 700.000đ. Đến 17h30’ cùng ngày, S và H ngồi đợi ở quán nét, còn C và Q mang chiếc xe máy của chị O đến cầm cố cho chị Hoàng Thị Minh Q, sinh năm 1996 ở thôn Uy Bắc, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa lấy 20.000.000đ. Sau khi có tiền các bị cáo cùng nhau ăn tiêu, số còn lại C chia đều cho cả bọn mỗi người 4.200.000đ, các bị cáo đã ăn tiêu hết.

Ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa định giá chiếc xe máy Vison BKS 36B5 - 878.86 trị giá 34.000.000đ (Ba tư triệu đồng). Đối với chiếc ví da theo báo cáo của bị hại không còn giá trị. Chị Lê Thị O đã nhận lại chiếc xe máy và không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 13/01/2018, sau khi biết tài sản do phạm tội mà có, chị Hoàng Thị Minh Q đã giao nộp chiếc máy cho Cơ quan điều tra, đến ngày 31/01/2018 gia đình các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường lại đầy đủ cho chị Q.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã Quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn Q, Trịnh Ngọc S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS) năm 1999.

Xử phạt: Võ Văn Q và Trịnh Ngọc S mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 13/01 đến ngày 19/01/2018).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt án treo đối với Ngô Quốc C và cải tạo không giam giữ đối với Nguyễn Thị H; án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 10/5/2018, các bị cáo Võ Văn Q và Trịnh Ngọc S đều có đơn kháng cáo với nội dung: Xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q thay đổi nội dung kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q khai nhận: Tối ngày 08/12/2017, do được Ngô Quốc C rủ nên S và Q đã đồng ý cùng nhau trộm cắp chiếc xe máy Vison của chị Lê Thị O ở cùng khu trọ để bán lấy tiền tiêu. Khoảng 06h ngày 09/12/2017, phát hiện cửa phòng trọ của chị O không khóa, chiếc xe máy để ở sân, S và Q đứng chờ ở ngoài đường chờ C trực tiếp vào phòng chị O lục tìm chìa khóa và lấy trộm thêm chiếc ví da của chị O, bên trong có 700.000đ. Sau khi lấy được tiền và chìa khóa, cả bọn đã cùng nhau đi ăn tối và đem xe đi cầm cố lấy 20.000.000đ ăn tiêu và chia nhau.

Do có hành vi nêu trên, các bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như bản án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q xin giảm nhẹ hình phạt thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an C. Các bị cáo là những người đã đủ tuổi trưởng thành, có sức khỏe nhưng không chịu lao động, rèn luyện và ham chơi, do muốn có tiền tiêu xài nên đã rủ nhau trộm cắp, hành vi phạm tội tuy giản đơn nhưng có tính táo bạo, liều lĩnh, coi thường pháp luật.

Khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo, trong đó S và Q có vai trò giúp sức tích cực, đồng thời cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là đầu thú; thành khẩn khai báo; đã tích cực động viên gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại. Tuy nhiên cũng cần xem xét các bị cáo tuổi đời còn quá trẻ vừa qua tuổi vị thành niên, các bị cáo phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS, mức án sơ thẩm đã xử 15 tháng tù đối với các bị cáo là có phần nghiêm. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp do được sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Ngọc S và Võ Văn Q, sửa bản án sơ thẩm số 86/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về hình phạt.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Võ Văn Q và Trịnh Ngọc S mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ mỗi bị cáo 06 ngày tạm giữ (13/01 đến 19/01/2019).

- Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa
- CA TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. T.Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh